

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN

**BẢNG GHI TÊN HỌC SINH THAM DỰ TUYỂN BỔ SUNG LỚP 11 CHUYÊN
NĂM HỌC 2026 - 2027**

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	TRƯỜNG THPT (Nơi đi)	Môn dự thi	Phòng thi	Ghi chú
1	1	SI001	LẠI THÁI AN	05/02/2010	11 A8	PHẠM HỒNG THÁI	Sinh Học	Sinh Học 01	
2	2	SI002	BÙI TÚ ANH	24/04/2010	11 A8	VINSCHOOL SMART CITY	Sinh Học	Sinh Học 01	
3	3	SI003	TRẦN HUYỀN ANH	21/06/2010	11 A8	YÊN HÒA	Sinh Học	Sinh Học 01	
4	4	SI004	TRẦN TÚ ANH	04/05/2010	11 A5	MỸ ĐÌNH	Sinh Học	Sinh Học 01	
5	5	SI005	NGUYỄN MINH ANH	24/11/2010	11 A4	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	Sinh Học	Sinh Học 01	
6	6	SI006	NGUYỄN GIA BÁCH	18/02/2010	11 A5	ĐẠI MỎ	Sinh Học	Sinh Học 01	
7	7	SI007	ĐÌNH SƠN BẢO	29/07/2010	11 A1	CAO BÁ QUÁT - GIA LÂM	Sinh Học	Sinh Học 01	
8	8	SI008	PHẠM GIA BẢO	08/07/2010	11 I	MARIE CURIE - MỸ ĐÌNH	Sinh Học	Sinh Học 01	
9	9	SI009	TRẦN THIỆN BẢO	26/07/2010	11 A1	NHÂN CHÍNH	Sinh Học	Sinh Học 01	
10	10	SI010	NGUYỄN NĂNG CHẤT	09/04/2010	11 TA1	ĐOÀN THỊ ĐIỂM	Sinh Học	Sinh Học 01	
11	11	SI011	NGUYỄN BẢO CHÂU	16/09/2010	10 SINH	CHUYÊN SƠN TÂY	Sinh Học	Sinh Học 01	
12	12	SI012	NGUYỄN THÙY CHI	06/08/2010	11 A1	YÊN HÒA	Sinh Học	Sinh Học 01	
13	13	SI013	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	27/02/2010	11 SINH	CHUYÊN SƠN TÂY	Sinh Học	Sinh Học 01	
14	14	SI014	PHẠM PHƯƠNG HÀ	30/01/2010	11 A1	CAO BÁ QUÁT - GIA LÂM	Sinh Học	Sinh Học 01	
15	15	SI015	NGUYỄN THANH HÀ	22/10/2010	10 CHUYÊN SINH	CHUYÊN SƠN TÂY	Sinh Học	Sinh Học 01	
16	16	SI016	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	07/10/2010	11 A2	VIỆT ĐỨC	Sinh Học	Sinh Học 01	
17	17	SI017	HOÀNG THỊ QUỲNH HOA	21/12/2010	11 A3	QUANG TRUNG - HÀ ĐÔNG	Sinh Học	Sinh Học 01	
18	18	SI018	PHẠM GIA HUY	30/08/2010	11 CHUYÊN SINH	CHUYÊN SƠN TÂY	Sinh Học	Sinh Học 01	
19	19	SI019	PHẠM ANH HUY	28/10/2010	11 A1	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	Sinh Học	Sinh Học 01	
20	20	SI020	DƯƠNG NGỌC HUYỀN	18/03/2010	11 A6	HOÀNG VĂN THỤ	Sinh Học	Sinh Học 01	
21	21	SI021	LÊ GIA HÙNG	18/10/2010	11 A1	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	Sinh Học	Sinh Học 01	
22	22	SI022	NGUYỄN HUY KHOA	01/06/2010	11 I8	MARIE CURIE - LONG BIÊN	Sinh Học	Sinh Học 01	

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	TRƯỜNG THPT (Nơi đi)	Môn dự thi	Phòng thi	Ghi chú
23	23	SI023	NGUYỄN ĐÌNH MINH LÂM	17/08/2010	11 A1	YÊN HÒA	Sinh Học	Sinh Học 01	
24	24	SI024	NGUYỄN THÙY LÂM	03/10/2010	11 A8	PHẠM HỒNG THÁI	Sinh Học	Sinh Học 01	
25	1	SI025	NGUYỄN THÙY LINH	16/01/2010	10 A1	TRUNG VĂN	Sinh Học	Sinh Học 02	
26	2	SI026	PHAN HOÀNG BẢO LINH	21/11/2010	11 A6	MỸ ĐÌNH	Sinh Học	Sinh Học 02	
27	3	SI027	HÀ THIÊN LONG	02/02/2010	11 A1	TRẦN PHÚ - HOÀN KIẾM	Sinh Học	Sinh Học 02	
28	4	SI028	BÙI QUANG MINH	02/04/2010	11 CHUYÊN HÓA	CHUYÊN SƠN TÂY	Sinh Học	Sinh Học 02	
29	5	SI029	DƯƠNG LINH NGÀ	27/01/2010	11 A2	NGUYỄN GIA THIỀU	Sinh Học	Sinh Học 02	
30	6	SI030	NGUYỄN HỒNG NGỌC	02/09/2010	11 A8	PHAN ĐÌNH PHÙNG	Sinh Học	Sinh Học 02	
31	7	SI031	PHẠM VŨ MINH NGỌC	28/12/2010	11 A	LÝ THƯỜNG KIỆT	Sinh Học	Sinh Học 02	
32	8	SI032	NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	06/05/2010	11 A1	PHAN HUY CHÚ	Sinh Học	Sinh Học 02	
33	9	SI033	PHẠM DANH NHÂN	14/11/2010	11 A1	DƯƠNG XÁ	Sinh Học	Sinh Học 02	
34	10	SI034	NGUYỄN THỰC QUYÊN	18/03/2010	11 A2	SÓC SƠN	Sinh Học	Sinh Học 02	
35	11	SI035	NGUYỄN NHẢ QUYÊN	22/09/2010	11 A4	PHAN ĐÌNH PHÙNG	Sinh Học	Sinh Học 02	
36	12	SI036	BÙI HOÀNG TÚ	30/06/2010	11 A1 SINH	CHUYÊN KHOA HỌC TỰ NHIÊN	Sinh Học	Sinh Học 02	
37	13	SI037	NGÔ SƠN TÙNG	02/08/2010	11 A1	THƯỢNG CÁT	Sinh Học	Sinh Học 02	
38	14	SI038	NGUYỄN DANH THÁI	13/04/2010	11 A1	NGUYỄN TRÃI - BA ĐÌNH	Sinh Học	Sinh Học 02	
39	15	SI039	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	11/11/2010	11 A7	LÊ QUÝ ĐÔN - ĐÔNG ĐA	Sinh Học	Sinh Học 02	
40	16	SI040	NGUYỄN UY	03/04/2010	11 A3	TÂY HỒ	Sinh Học	Sinh Học 02	
41	17	SI041	PHẠM TƯỜNG VY	17/02/2010	11 A2	KHOA HỌC GIÁO DỤC	Sinh Học	Sinh Học 02	
42	18	SI042	NGUYỄN HÀ VY	13/09/2010	11 A0	LƯƠNG THẾ VINH	Sinh Học	Sinh Học 02	
43	1	TH001	NGUYỄN LÂM ANH	09/03/2010	11 A3	YÊN VIÊN	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
44	2	TH002	LÊ NGỌC ANH	02/09/2010	11 D7	PHAN ĐÌNH PHÙNG	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
45	3	TH003	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	17/02/2010	11 A10	NGUYỄN GIA THIỀU	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
46	4	TH004	NGÔ MỸ DUNG	29/09/2010	11 A3	NGUYỄN HUỆ	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
47	5	TH005	LÊ THANH HÀ	16/09/2010	11 SN 1	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
48	6	TH006	LÊ HOÀNG HÀ	14/12/2010	11 SỬ 2	CHUYÊN SƠN TÂY	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
49	7	TH007	TRẦN NGUYỄN BẢO NGUYỄN	15/07/2010	11 A3	TRẦN PHÚ - HOÀN KIẾM	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	

ĐÀO T
TRU
RUNG HỌC
CHU
CHU V
ps

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	TRƯỜNG THPT (Nơi đi)	Môn dự thi	Phòng thi	Ghi chú
50	8	TH008	NGUYỄN VĂN NHẬT	01/05/2010	11 ĐỊA 2	KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
51	9	TH009	MAI THANH VÂN	08/09/2010	11 A11	TRẦN NHÂN TÔNG	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
52	10	TH010	CHU KHÁNH VY	06/12/2010	11 D7	ĐẠI MỖ	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
53	11	TH011	HOÀNG TUỆ VY	23/02/2010	11 A8	MỸ ĐÌNH	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
54	12	TH012	TRỊNH HÀ VY	09/08/2010	11 A2	THẠCH BÀN	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn 01	
55	1	TT001	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	04/01/2010	11 QT2	TRẦN NHÂN TÔNG	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
56	2	TT002	ĐỖ THỊ QUỲNH CHÂU	05/01/2010	11 D2	CẦU GIẤY	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
57	3	TT003	TRẦN MỸ MAI CHI	20/04/2010	11 D7	PHAN ĐÌNH PHÙNG	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
58	4	TT004	ĐỖ TUẤN DƯƠNG	23/06/2010	11 A2	NGUYỄN GIA THIỀU	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
59	5	TT005	PHẠM THÀNH LONG	18/09/2010	11 A7	XUÂN ĐÌNH	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
60	6	TT006	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	21/11/2010	11 A4	CAO BÁ QUÁT - GIA LÂM	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
61	7	TT007	HÀ LÊ MINH MINH	11/05/2010	11 TO	NEWTON	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
62	8	TT008	NGUYỄN ANH MINH	23/10/2010	11 A6	MỸ ĐÌNH	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
63	9	TT009	LƯU PHƯƠNG THẢO	15/11/2010	11 D3	KHOA HỌC GIÁO DỤC	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
64	10	TT010	PHẠM VŨ DIỆU THẢO	19/01/2010	11 A3	YÊN HÒA	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
65	11	TT011	NGUYỄN KHÁNH VY	06/08/2010	11 A3	TRƯƠNG ĐỊNH	Tiếng Trung	Tiếng Trung 01	
66	1	TI001	NGÔ ĐỨC AN	18/02/2010	11 A2	LÝ THÁI TÔ - BẮC NINH	Tin học	Tin học 01	
67	2	TI002	LÊ NGUYỄN ĐỨC ANH	04/12/2010	11 A6	PHAN HUY CHÚ - ĐỒNG ĐA	Tin học	Tin học 01	
68	3	TI003	NGUYỄN VIỆT ANH	14/01/2010	11 A2	THẮNG LONG	Tin học	Tin học 01	
69	4	TI004	HOÀNG VŨ HẢI	07/09/2010	11 A5	TRẦN PHÚ - HOÀN KIẾM	Tin học	Tin học 01	
70	5	TI005	NGUYỄN GIA HUY	03/01/2010	11 LÝ 2	CHUYÊN NGUYỄN HUỆ	Tin học	Tin học 01	
71	6	TI006	NGÔ VŨ HUNG	10/10/2010	11 A1	ĐOÀN THỊ ĐIỂM	Tin học	Tin học 01	
72	7	TI007	ĐÀO HẢI LÂM	16/11/2010	11 A12	XUÂN ĐÌNH	Tin học	Tin học 01	
73	8	TI008	NGUYỄN PHẠM TUẤN MINH	18/02/2010	11 A4	NGUYỄN TẮT THÀNH	Tin học	Tin học 01	
74	9	TI009	NGUYỄN ĐỨC MINH	17/03/2010	11 CHUYÊN TIN	CHUYÊN SƠN TÂY	Tin học	Tin học 01	
75	10	TI010	BÙI HỮU MINH	16/04/2010	11 SỬ 2	CHUYÊN NGUYỄN HUỆ	Tin học	Tin học 01	
76	11	TI011	NGUYỄN NHẬT MINH	01/02/2010	11 ĐỊA 2	CHUYÊN NGUYỄN HUỆ	Tin học	Tin học 01	

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	TRƯỜNG THPT (Nơi đi)	Môn dự thi	Phòng thi	Ghi chú
77	12	TI012	PHẠM CÔNG MINH	08/01/2010	11 A2	YÊN HÒA	Tin học	Tin học 01	
78	13	TI013	NGUYỄN VŨ CÚC MY	26/06/2010	11 A5	NGUYỄN TRÃI - BA ĐÌNH	Tin học	Tin học 01	
79	14	TI014	PHẠM KHÔI NGUYỄN	11/06/2010	11 A3	YÊN HÒA	Tin học	Tin học 01	
80	15	TI015	NGUYỄN PHAN MINH QUÂN	11/12/2010	11 A4	PHAN ĐÌNH PHÙNG	Tin học	Tin học 01	
81	16	TI016	TRẦN VIỆT TUẤN	29/07/2010	11 A2	NGUYỄN TRÃI - BA ĐÌNH	Tin học	Tin học 01	
82	17	TI017	LÊ MINH TUẤN	08/03/2010	11 A3	PHAN ĐÌNH PHÙNG	Tin học	Tin học 01	
83	18	TI018	NGUYỄN KHẮC TÙNG	02/01/2010	11 A5	HOÀI ĐỨC A	Tin học	Tin học 01	
84	19	TI019	ĐẶNG QUANG VINH	02/08/2010	11 A5	CẦU GIẤY	Tin học	Tin học 01	

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nhiếp